

**CÔNG TY CP KỸ THUẬT NỀN MÓNG & CÔNG TRÌNH NGẦM FECON
FECON FOUNDATION ENGINEERING & UNDERGROUND CONSTRUCTION., JSC**

ISO 9001:2000 Certificate Registration No. 44 100 082002 by TUV NORD

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2012

Đ/c: Tầng 15, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Khu Đô thị mới Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
Add: 15th Floor, CEO Building, Plot HH2-1, Me Tri Ha Urban Arena, Pham Hung Str., Tu Liem Dist., Hanoi
ĐT: (84-4) 62690481 - Fax: (84-4) 62690484 - Website: www.fecon.com.vn

về Kỹ thuật nền móng tại Việt Nam vào năm 2015 và doanh nghiệp hàng đầu về kỹ thuật nền móng và công trình ngầm vào năm 2025.

Một số bằng khen, giải thưởng tiêu biểu FECON đã đạt được trong những năm qua:

<i>STT</i>	<i>Tên chứng nhận</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Tổ chức cấp</i>
1	VNR500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam	2012	Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam và Báo Vietnamnet
2	Thương hiệu Mạnh Việt Nam	2009 2010 2011 2012	Thời Báo Kinh tế Việt Nam
3	Giải Vàng Chất lượng Quốc gia	2011	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt	2011	Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng
5	TOP 10 Thương hiệu tiêu biểu Ngành Xây dựng Việt Nam năm 2011	2011	Báo Xây dựng
6	Cúp Vàng TOPTEN Thương hiệu Việt - Ứng dụng KHCN	2011	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
7	Cúp Vàng VTOPBUILD: Sản phẩm cọc bê tông cốt thép ly tâm dự ứng lực FECON Pile	2011	Ban Tổ chức Triển Lãm Quốc tế Vietbuild
8	FAST500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam	2010 2011	Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam và Báo Vietnamnet
9	Giải thưởng Doanh nghiệp Việt Nam Vàng	2010	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME)
10	Thương hiệu nổi tiếng quốc gia	2010	Bộ Công Thương tổ chức và trao tặng
11	TOP 10 Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển	2008	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Ủy ban Quốc gia Hợp tác Kinh tế Quốc tế

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính.

Là một doanh nghiệp trẻ điển hình trong hội nhập kinh tế quốc tế, không chỉ vượt qua được những thách thức mà hội nhập kinh tế tạo ra, FECON còn tận dụng hiệu quả những cơ hội để phát triển. Đến nay, sau gần chín năm thành lập, FECON đã trở thành một trong các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật nền móng công trình tại Việt Nam. Lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của FECON tập trung vào các mảng sau:

- Nghiên cứu phát triển công nghệ nền móng và công trình ngầm;
- Khảo sát địa chất, thí nghiệm nền móng và tư vấn địa kỹ thuật công trình;
- Thiết kế, sản xuất và thi công xử lý nền đất yếu;
- Thiết kế, sản xuất và thi công cọc bê tông ly tâm dự ứng lực;
- Thiết kế thi công công trình ngầm ;

Với trên 500 Công trình lớn, nhỏ mà FECON đã thi công trải dài trên khắp mọi miền tổ quốc, trong đó có những công trình trọng điểm quốc gia đã minh chứng năng lực cũng như uy tín của Công ty. Quy mô hoạt động không ngừng được mở rộng, từ ngày thành lập từ một nhóm kỹ sư và chuyên gia chuyên ngành về xử lý và thi công nền móng công trình đến nay, FECON đã phát triển lớn mạnh với 05 đơn vị thành viên và 03 văn phòng đại diện như sau:

- (1) Viện nền móng và công trình ngầm
- (2) Công TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - Shanghai Harbor
- (3) Công ty cổ phần bê tông FECON
- (4) Công ty cổ phần FECON Miltec
- (5) Công ty TNHH Đầu tư FECON
- (6) Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh
- (7) Văn phòng đại diện tại Cần Thơ
- (8) Văn phòng đại diện tại Hà Tĩnh

Thiết kế và thi công xử lý nền đất yếu

Đây là lĩnh vực kinh doanh mang lại nguồn thu cũng như lợi nhuận chủ yếu cho FECON trong những năm qua, đồng thời cũng là hoạt động có sự tăng trưởng rất ấn tượng qua các năm.

Với sự phát triển mạnh về công nghệ và sự ứng dụng nhanh trong xây dựng, hiện nay phương pháp xử lý nền đất yếu bằng công nghệ cố kết chân không đang được đánh giá là phương pháp hiệu quả so với những phương pháp thông thường. Bởi nó đáp ứng được cùng một lúc bốn tiêu chí quan trọng là rút ngắn thời gian thi công, giảm giá thành, đảm bảo chất lượng và bảo vệ môi trường.

Lĩnh vực này của FECON được đánh giá là có lợi thế cạnh tranh so sánh với các doanh nghiệp khác cùng ngành. So với các phương án xử lý nền bằng phương pháp truyền thống cũng như phương pháp khác đang thực hiện trên thị trường, công nghệ xử lý nền bằng cố kết chân không mà FECON đang triển khai áp dụng tại các dự án được đánh giá là phương pháp hiệu quả so với những phương pháp thông thường. Bởi nó đáp ứng được cùng một lúc bốn tiêu chí quan trọng là rút ngắn thời gian thi công, giảm giá thành, đảm bảo chất lượng và bảo vệ môi trường... từ đó tiết kiệm hơn được chi phí cho chính chủ đầu tư.

Nhiều dự án trọng điểm của đất nước đã được áp dụng và triển khai thành công công nghệ cố kết chân không của FECON như: Nhà máy xơ sợi tổng hợp polyester Đình Vũ (Hải Phòng), Công trình Kho lạnh LPG Thị Vải (Bà Rịa Vũng Tàu), Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 (Sóc Trăng), Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 (Trà Vinh), Nhà máy Nhiệt điện Thái

Bình 2, Khu liên hợp thép Formosa Hà Tĩnh, dự án đường cao tốc Hồ Chí Minh Long Thành – Dầu Giây...

Sản xuất và thi công cọc bê tông dự ứng lực PC/PHC

Hoạt động sản xuất và thi công cọc chủ yếu đáp ứng trong nội bộ dùng cho các hoạt động thi công xây dựng và xử lý các công trình ngầm, tham gia đáng kể vào việc mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Mặc dù, trên thị trường có không ít các đơn vị cùng sản xuất và thi công cọc bê tông dự ứng lực PC/PHC, tuy nhiên sản phẩm cọc mang thương hiệu FECON Pile của Công ty có uy tín và lợi thế cạnh tranh rõ rệt về chất lượng sản phẩm cũng như kinh nghiệm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ quản lý thi công. Hầu hết các dự án đều đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư và tổng thầu. Năng lực sản xuất cọc của Công ty đạt mức công suất 4.000m dài cọc/ngày. Và là đơn vị đầu tiên sản xuất được loại cọc bê tông dự ứng lực mác trên 800 và có độ dài tối đa đoạn cọc đến 27m/cọc.

Thí nghiệm nền móng và Tư vấn địa kỹ thuật công trình

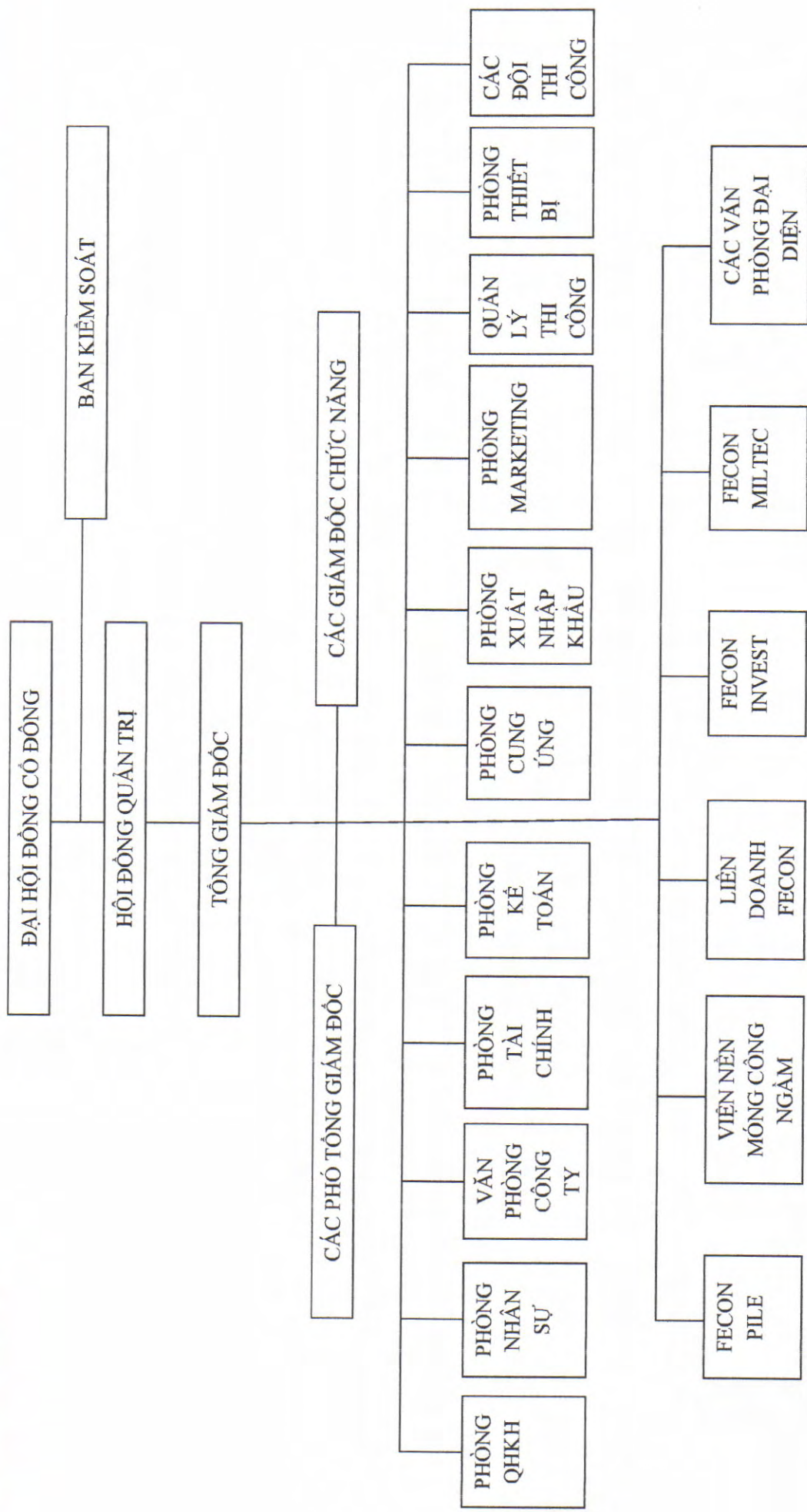
Hoạt động thí nghiệm nền móng và Tư vấn địa kỹ thuật công trình là hoạt động mang tính chất bổ trợ làm đồng bộ hóa gói giải pháp tổng thể về nền móng công trình mà FECON có thể mang lại cho khách hàng, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Lợi thế cạnh tranh của Công ty trong mảng này được đánh giá cao hơn so với đối thủ cạnh tranh khác nằm ở chỗ Công ty đã đầu tư thành lập Viện nghiên cứu riêng, có đầy đủ trang thiết bị hiện đại đạt chuẩn, là nơi tập hợp đội ngũ cán bộ tâm huyết, chuyên sâu vào nghiên cứu và áp dụng các công nghệ mới trong việc thiết kế thi công nền móng và công trình ngầm. Với 12 tiến sỹ, 32 thạc sỹ và 80 kỹ sư, Viện đã phát huy nguồn lực đội ngũ hiện có, tinh thần tập thể, cùng với sự liên kết với các đối tác bên ngoài, để tạo nên sức mạnh tổng hợp để thực hiện sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ gắn liền với sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời là nguồn nhân lực cao cấp hỗ trợ Công ty đưa ra các giải pháp tối ưu cho các bài toán khó về địa kỹ thuật của công trình dự án, được chủ đầu tư tin cậy và đánh giá cao.

Địa bàn kinh doanh của FECON trải dài trên toàn lãnh thổ Việt Nam, từ Bắc tới Nam. Tiêu biểu như một số dự án: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình – Thái Bình, Khu liên hợp gang thép FORMUSA – Hà Tĩnh, Dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú – Long An...

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: (Sơ đồ trang kế tiếp)



Cơ cấu bộ máy quản lý:

Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường ít nhất một năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo để bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty có 07 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 01 năm.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và điều lệ Công ty quy định, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quyết định.

❖ Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và miễn nhiệm.

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng Giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc, 02 Giám đốc chức năng và 01 Trưởng Đại diện Văn phòng Đại diện phía Nam. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công theo đúng điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

Giám đốc chức năng và Trưởng Đại diện văn phòng Đại diện phía Nam là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc chuyên môn của mình và phần việc của Công ty trong các khu vực phía Nam.

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

❖ Các phòng ban chức năng**Phòng quan hệ khách hàng**

- Phụ trách báo giá, tính giá phương án kinh doanh, lập hồ sơ thầu;
- Phát triển hệ thống khách hàng;
- Thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc khách hàng;

Phòng Marketing

- Triển khai các chương trình tiếp thị, truyền thông để quảng bá sản phẩm, dịch vụ, hình ảnh của Công ty thúc đẩy việc bán hàng;
- Nghiên cứu thị trường;

- Thực hiện PR nội bộ và bên ngoài;

Phòng Nhân sự

Phòng Nhân sự thực hiện các chức năng:

- Tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- Thực hiện các chính sách tiền lương và chính sách đào tạo lao động;
- Đánh giá kết quả công việc của nhân viên, giám sát thực thi các chính sách và nội quy lao động ở Công ty;

Văn phòng công ty

- Hỗ trợ các phòng ban công việc hậu cần;
- Mua sắm thiết bị, dụng cụ văn phòng;
- Quản lý phương tiện và điều phối xe;
- Quản lý tài sản, thiết bị văn phòng, hạ tầng cơ sở;
- Phụ trách công nghệ thông tin;
- Tổ chức và thực hiện các hoạt động phong trào;

Phòng Kế Toán

- Tổ chức hạch toán, làm các báo cáo tài chính theo các quy định của chế độ, chuẩn mực kế toán;
- Tuân thủ luật pháp về kế toán và các nghĩa vụ với Nhà nước về Thuế;

Phòng Tài chính

- Quản lý nguồn tiền, đảm bảo cung cấp vốn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn;
- Thực hiện việc thu hồi công nợ;
- Quan hệ với ngân hàng, các tổ chức kiểm toán, bảo hiểm, định giá;
- Phụ trách vấn đề công bố thông tin, làm các báo cáo theo yêu cầu của UBCK và SGDCK;

Phòng Cung ứng

Phòng Cung ứng thực hiện các chức năng:

- Giao khoán vật tư, thiết bị cho các đơn vị thi công;
- Mua sắm vật tư, thiết bị nội địa;

Phòng Xuất nhập khẩu

- Cung cấp vật tư, thiết bị nhập khẩu cho các đơn vị trong Công ty;

Phòng Quản lý thi công

Phòng quản lý thi công thực hiện các chức năng

- Quản lý chất lượng, tiến độ công trình thi công;
- Giám sát các đội về các biện pháp thi công;
- Nghiệm thu công trình, hoàn tất hồ sơ;

Phòng Thiết bị

- Bảo trì, sửa chữa thiết bị thi công;
- Quản lý, điều động các thiết bị, đảm bảo sử dụng hiệu quả;

Các đội thi công

Các đội thi công có nhiệm vụ thực thi các hợp đồng thi công được giao khoán từ Công ty, đảm bảo chất lượng công trình.

Các công ty con, công ty liên kết của công ty:

❖ Công ty cổ phần Bê tông FECON

Địa chỉ	Khu công nghiệp Thi Sơn, huyện Kim Bảng, Hà Nam
GiấyĐKKD số	0700252549
Ngành nghề kinh doanh chính	- Sản xuất và buôn bán các loại cầu kiện bê tông cốt thép, thép phục vụ xây dựng nền móng và công trình

	ngâm; - Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng; - Vận tải hàng hóa, vận chuyển hàng hóa; - Khai thác khoáng sản, đá cát, sỏi đất sét, chế biến các loại đá...
Vốn điều lệ	150.000.000.000 đồng
Tỷ lệ cam kết nắm giữ	66%
Vốn điều lệ thực góp	100.040.000.000 đồng

❖ Công ty TNHH đầu tư FECON

Địa chỉ	Tầng 16, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm Hà Nội.
Giấy ĐKKD số	0700222128
Ngành nghề kinh doanh chính	- Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi... - Đầu tư và kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng dự án, kinh doanh dịch vụ nội địa
Vốn điều lệ	30.000.000.000 đồng
Tỷ lệ cam kết nắm giữ	100%
Vốn điều lệ thực góp	10.000.000.000 đồng

❖ Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON – SHANGHAI HARBOUR

Địa chỉ	Tầng 19, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm Hà Nội.
Giấy ĐKKD số	011022000246
Ngành nghề kinh doanh chính	- Dịch vụ thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Dịch vụ thi công nền đất yếu; - Dịch vụ chuyên giao công nghệ xử lý nền đất yếu;
Vốn điều lệ	5.000.000 USD
Tỷ lệ cam kết nắm giữ	51 %
Vốn điều lệ thực góp	18.000.000.000 đồng

❖ Viện nền móng và công trình ngâm

Địa chỉ	Tầng 16, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm Hà Nội.
Giấy ĐKKD số	262 ĐK – KH & CN cấp lần đầu ngày 19/01/2012
Ngành nghề kinh doanh chính	- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nền móng công trình và công trình ngâm; - Dịch vụ khoa học và công nghệ: Liên kết đào tạo, tư

	vấn, chuyên giao công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nền móng và công trình ngầm;
Vốn điều lệ	26.000.000.000 đồng
Tỷ lệ cam kết nắm giữ	100%
Vốn điều lệ thực góp	26.000.000.000 đồng

❖ Công ty Cổ phần FECON – MILTEC

Địa chỉ	Lô NX – D2, Khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
Giấy ĐKKD số	Số 502032000190 cấp ngày 21/11/2011
Ngành nghề kinh doanh chính	- Sản xuất bắc thăm, vại địa kỹ thuật và các sản phẩm từ Plastic; - Thiết kế và thi công xử lý nền đất yếu;
Vốn điều lệ	20.800.000.000 đồng
Tỷ lệ cam kết nắm giữ	50%
Vốn điều lệ thực góp	10.467.456.208 đồng

❖ Trường THPT Ý YÊN

Địa chỉ	Xã Yên Xá, huyện Ý yên, tỉnh Nam Định
Giấy ĐKKD số	Quyết định số 266/QĐ-UBND của UBND tỉnh ND, số ĐTNT: 0600379943
Ngành nghề kinh doanh chính	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông
Vốn điều lệ	6.000.000.000 đồng
Tỷ lệ cam kết nắm giữ	58,33%
Vốn điều lệ thực góp	2.000.000.000 đồng

5. Định hướng phát triển

FECON xác định sẽ trở thành công ty chuyên nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực nền móng và công trình ngầm tại Việt Nam. Do đó ngay từ khi thành lập, FECON đã luôn chú trọng đầu tư theo chiều sâu vào công nghệ và nguồn nhân lực. Qua thời gian hoạt động, Công ty đã khẳng định được tính đúng đắn của con đường đã lựa chọn. Công ty đã tham gia thi công nhiều dự án lớn trong đó có nhiều công trình mang tầm quốc gia, được khách hàng thừa nhận. Các công nghệ mà Công ty áp dụng không chỉ nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, khách hàng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững, bởi một trong các phương châm hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là ích nước lợi nhà.

Định hướng kinh doanh của FECON là tận dụng sức mạnh, tạo lợi thế cạnh tranh bằng chiến lược khác biệt hóa, cụ thể:

- Tập trung xử lý nền bằng công nghệ chân không nhằm tận dụng cơ hội đến từ khách hàng nước ngoài;

- Tận dụng sức mạnh, nguồn nhân lực (Năng lực kỹ thuật và Năng lực quản trị dự án) đưa ra giải pháp tổng thể tạo nên giá trị gia tăng cho khách hàng;

Mặt khác, FECON cũng áp dụng chiến lược kinh doanh tập trung trên cơ sở sức mạnh, nguồn nhân lực sẵn có, cụ thể:

- Đối với thị trường miền Nam, FECON chú trọng tập trung vào thị trường xử lý nền đất yếu cho các dự án lớn thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các dự án trọng điểm khác của đất nước với chất lượng cao, giá cả hợp lý;

- Tại thị trường miền Bắc, Công ty tập trung mạnh vào sản xuất, cung cấp và thi công cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao (PHC) cho các công trình xây dựng cao tầng, nhà máy, cảng biển, đường bộ và cầu đường.

Trong chiến lược phát triển kinh doanh dài hạn, Công ty FECON sẽ đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực công trình ngầm, lĩnh vực được đánh giá sẽ có sự bùng nổ về nhu cầu do yêu cầu về phát triển hạ tầng đất nước.

Ngoài các mục tiêu về kinh doanh FECON đã và đang tiếp tục cố gắng thực hiện tốt hơn đối với các mục tiêu về xã hội, môi trường. Với các chương trình phúc lợi, từ thiện hàng năm.

6. Các rủi ro:

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó. Tính đến thời điểm 31/12/2012, vốn vay và nợ của Công ty là khoảng 397 tỷ đồng, nguồn vốn vay này chủ yếu dùng để mua nguyên vật liệu sản xuất và máy móc thiết bị để triển khai các dự án lớn.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ, và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp. Công ty có một số nguyên liệu đầu vào và máy móc thiết bị nhập khẩu từ các đối tác nước ngoài cho nên việc ảnh hưởng bởi rủi ro về tỷ giá hối đoái là không thể tránh khỏi.

Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Do đặc điểm của ngành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi những thay đổi của giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Giá cả các loại vật liệu xây dựng (sắt, thép, xi măng...) cùng các loại nhiên liệu (xăng, dầu...) có xu hướng biến động tăng, làm gia tăng chi phí hoạt động. Với đặc điểm các hợp đồng thi công thường kéo dài, ảnh hưởng của sự biến động giá cả nguyên vật liệu tới kết quả hoạt động của Công ty càng gia tăng.

Rủi ro về thời gian thanh toán

Trong hoạt động thi công xây dựng thì thời gian thi công thường bị kéo dài so với dự kiến ban đầu, việc nghiệm thu, bàn giao, quyết toán với chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian. Vì vậy, việc thu hồi nợ, quay vòng vốn từ các công trình rất chậm. Đây chính là một trong những rủi ro đặc thù ngành xây dựng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua có những bước phát triển vượt bậc, thể hiện qua các mức tăng trưởng cao của các chỉ tiêu về tài sản, doanh thu và lợi nhuận của Công ty qua các năm.

Tổng tài sản công ty năm 2012 tăng 27% so với năm 2011 lên mức trên 1.000 tỷ trong đó phần lớn là sự gia tăng của các khoản phải thu ngắn hạn, tài sản cố định. Cụ thể với các khoản phải thu ngắn hạn tăng 26% tập trung nhiều ở các khách hàng nước ngoài lớn như: Công ty TNHH xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour Việt Nam (156 tỷ); Công ty TNHH

gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (31,7 tỷ)... Tài sản cố định tăng là do Công ty tập trung đầu tư, mua sắm mới và thuê tài chính máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực thi công và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2012 của Công ty đạt trên 1.000 tỷ tăng hơn 10% so với năm 2011 và hơn 5% so với kế hoạch. Các chỉ tiêu về chi phí vốn vay và chi phí bán hàng cũng có sự gia tăng nhưng không quá lớn so với năm 2011.

Trong thời kỳ khó khăn của nền kinh tế nói chung và hoạt động xây dựng nói riêng như hiện nay kết quả kinh doanh của FECON đã đạt được là rất khả quan. Đây là một thành tích đáng kể, thể hiện nỗ lực cũng như khả năng của ban điều hành FECON

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	
			Đại diện	Cá nhân
Ban Tổng Giám đốc				
1	Phạm Việt Khoa	Tổng Giám Đốc	0	1.579.560
2	Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám Đốc	0	232.543
3	Trần Trọng Thắng	Phó Tổng Giám Đốc	0	335.878
3	Đỗ Trần Nam	Phó Tổng Giám Đốc	0	30.000
4	Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám Đốc	0	0
Ban Giám Đốc chức năng				
1	Phạm Duy Cường	Giám Đốc Tài Chính	0	0
2	Nguyễn Văn Thanh	Giám Đốc Kinh Doanh	0	0
Kế toán trưởng				
1	Nguyễn Thị Thanh Vân	Kế toán trưởng	0	0

Ban Tổng Giám Đốc:

a. Họ và tên

: Phạm Việt Khoa - Tổng Giám Đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 31- 01 – 1973
- Nơi sinh : Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 012121341 Ngày cấp: 25/04/1998 Nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán : Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
- Điện thoại : 04 62690481
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ nền móng và công trình ngầm, thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1994 đến 1998	Đội trưởng đội thi công và thí nghiệm nền móng – Công ty xây dựng số 20 (LICOGI 20)
Từ 1999 đến T6/2003	Phụ trách chuyên môn – Công ty tư vấn và thiết kế cầu lớn hầm (TEDI)
Từ T7/2003 đến T5/2004	Giám đốc công ty CP kỹ thuật nền móng FECO
Từ T6/2004 đến T5/2006	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm
T6/2006 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 1.579.560 cổ phần, chiếm 11,44% vốn điều lệ.

b. Họ và tên : Phạm Quốc Hùng – Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06 – 07 – 1975
- Nơi sinh : Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 012419320 Ngày cấp:24/03/2001 Nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán : Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
- Điện thoại : 04 62690481
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ quản lý xây dựng.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ T6/2002 đến T10/2003	Kỹ sư công trình – Công ty Penta – Ocean tại Dự án thi công mở rộng cảng Cái Lân – Quảng Ninh
Từ T10/2003 đến T12/2005	Kỹ sư công trình – Công ty Obayashi tại dự án thi công Cầu Thanh Trì Hà Nội
Từ T1/2006 đến T8/2007	Trưởng phòng kỹ thuật – Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
Từ T9/2007 đến T4/2012	Giám đốc kỹ thuật quản lý thi công – Công ty CP kỹ

	thuật nền móng và công trình ngầm FECON
T5/2006 đến nay	Phó Tổng giám đốc phụ trách thi công – Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có) : Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 232.543 cổ phần, chiếm 1,68% vốn điều lệ

c. Họ và tên: : Trần Trọng Thắng – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01-11-1972
- Nơi sinh : TP Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 012315256 Ngày cấp: 25/02/2003 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quê quán : TP Nam Định.
- Điện thoại : 04.62690481
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất công trình - Đại học Mỏ địa chất Hà Nội
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1994- 2002	Cán bộ Công ty XD 20 – Licogi
Từ 2002- đến 2004	Cán bộ Công ty TNTK Công nghiệp & Đô thị VCC- Bộ xây dựng
Từ 2004- đến nay	Cổ đông sáng lập – Thành viên HĐQT Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 335.878 cổ phần, chiếm 2,43% vốn điều lệ.

d. Họ và tên : Nguyễn Hồng Luyện – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27- 04- 1977
- Nơi sinh : Lĩnh Mai - Quảng Phú – Lương Tài - Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Số CMND : 125422649 Ngày cấp: 14/12/207 Nơi cấp: Bắc Ninh
- Quê quán : Lĩnh Mai - Quảng Phú – Lương Tài - Bắc Ninh
- Điện thoại : 04.62690481
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý dự án.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 2001- 2008	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng HUDI
Từ 2008- đến 2009	Huawei technologies, Viet Nam
Từ 2010- đến nay	Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

- Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: Không.

e. Họ và tên : Đỗ Trần Nam

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13 – 06 – 1976
- Nơi sinh : Thị Xã Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 012545738 Ngày cấp:16/09/2002 Nơi cấp: Hà Nội
- Điện thoại : 04.62690481
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng - Đại học xây dựng Hà Nội
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1999- 2000	Phụ trách quản lý dự án – Phòng kỹ thuật Công ty CP Vinaconex 9
Từ 2002- 2006	Kỹ sư dự án xây dựng cầu Thanh Trì Hà Nội
Từ 2006- 2008	Trợ lý xúc tiến dự án – VPDD Toyo Cons.Co.Ltd
Từ 2008- 2009	Trưởng phòng kỹ thuật và quản lý thi công – Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
Từ 2010- 2011	Trưởng đại diện phía Nam – Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
Từ T1/2012 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

- Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 30.000 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ.

Giám đốc tài chính:

Họ và tên : Phạm Duy Cường

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22 – 10 – 1975
- Nơi sinh : Thị xã Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 013439678 Ngày cấp: 24/08/2011 Nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán : Kiến Xương, Thái Bình.
- Điện thoại : 04.62690481
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1995 – 1999	Kế toán – Công ty cổ phần Than Cọc Sáu, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Từ 1999 – 2003	Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty Liên doanh May Bái Từ Long, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Từ 2003 – 2010	Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty CNTT và xây dựng Hạ Long
Từ 2010 – 2011	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp An Sinh, Cầu Giấy, Hà Nội
Từ T4/2011 đến nay	Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

- Chức vụ hiện nay : Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: Không.

Giám đốc kinh doanh:

Họ và tên : Nguyễn Văn Thanh

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13 – 02 – 1980
- Nơi sinh : Xã Hiệp Hào - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 013578895 Ngày cấp: 11/10/2012 Nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán : Xã Hiệp Hòa - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình
- Điện thoại : 04.62690481
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 2003 –T5/2005	Kỹ sư thiết kế -Tổng công ty đầu tư phát triển nhà Hà Nội
Từ 6/2005 –T10/2006	Phó phòng dự án - Tổng công ty lắp máy Việt Nam Lilama
Từ 11/2006 –T6/2009	Trợ lý Giám đốc dự án - Tập đoàn kỹ thuật và xây dựng Kim Seng Heng - Singapore
Từ T7/2009 –T5/2011	Tư vấn trưởng dự án – Công ty Tư vấn QLDA CDG – Singapore
Từ T6/2011 đến nay	Giám đốc kinh doanh – Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

- Chức vụ hiện nay : Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: Không.

Kế toán trưởng:

Họ và tên : Nguyễn Thị Thanh Vân - Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 26 – 12 – 1977
- Nơi sinh : Đa Phúc – Sóc Sơn – Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 012056211 Ngày cấp: 23/02/2006 Nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán : Lại Là, Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội
- Điện thoại : 04.62690481
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

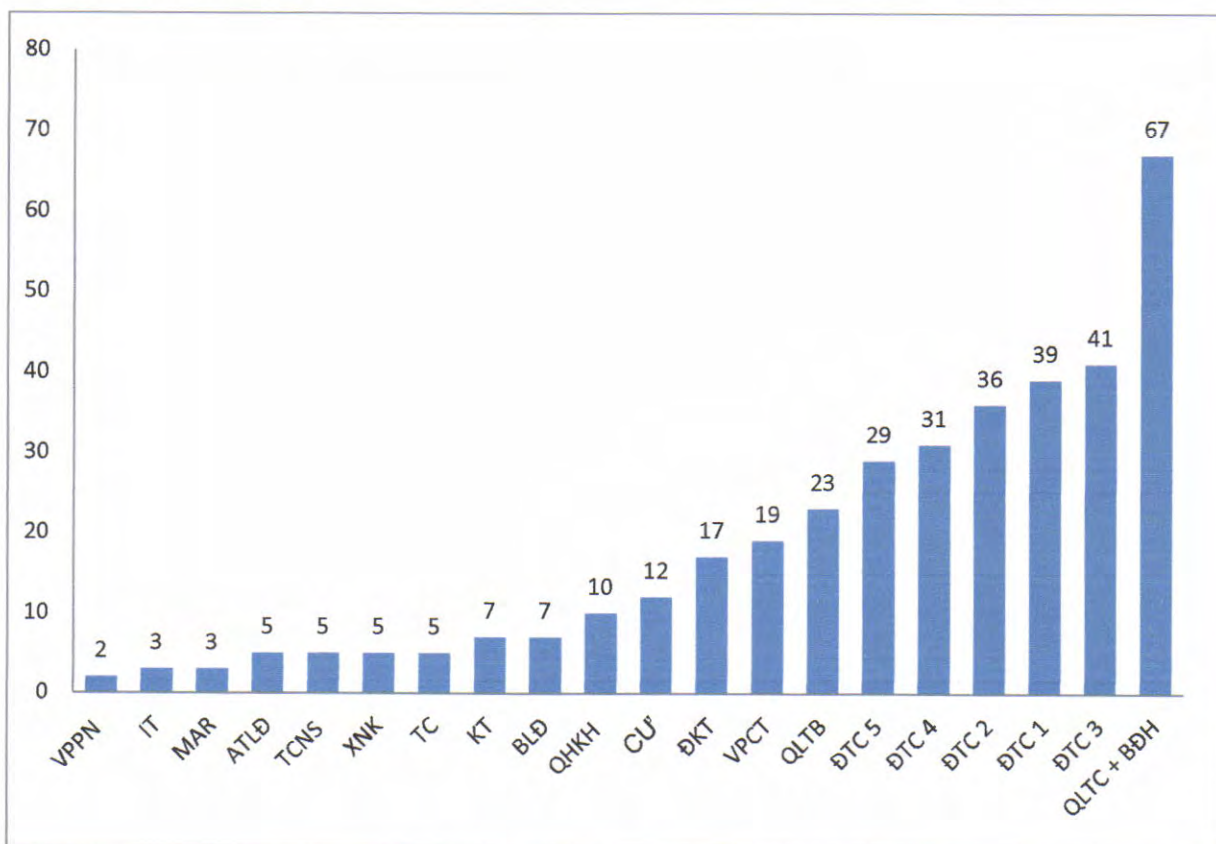
Thời gian	Chức vụ
Từ 1999- 2004	Kế toán – Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch Đông Anh

Từ 2004- đến 2005	Kế toán – Công ty TNHH Từ Hải
Từ 2005- T4/2008	Kế toán – Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
Từ T5/2008 đến nay	Kế toán trưởng – Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

- Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng – Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: Không.

Tình hình nhân sự chung Công ty năm 2012:

Tính đến hết ngày 31/12/2012 số lượng nhân sự chung của toàn Công ty là 817 người tăng 8,07% so với số lượng nhân sự năm 2011. Trong đó tổng số lượng nhân sự của Công ty mẹ là 366 người (chiếm 44,7%)



Cơ cấu nhân sự theo phòng/ban tại công ty mẹ

Chính sách đối với người lao động:

Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương căn cứ theo trình độ và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ, công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khích thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường

xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Thực hiện chiến lược nâng cao chất lượng các gói giải pháp xử lý nền đất yếu, trong năm 2012, Công ty đã đầu tư hơn 100 tỷ đồng mua các máy móc thiết bị hiện đại từ các nước trên thế giới. Trong đó có thể kể đến:

- Nhập khẩu 02 máy ép cọc DTZ718 với tổng giá trị 11 tỷ đồng.
- Mua máy đóng cọc HITACHI 3,5 tỷ đồng
- Mua máy cầu bánh xích SUMITOMO 6,5 tỷ
- Mua sắm hệ thống trang thiết bị máy móc cho phòng thí nghiệm thuộc Viện nền móng và công trình ngầm với tổng giá trị 16,7 tỷ đồng
- Đầu tư xây dựng và lắp đặt dàn máy sản xuất bắc thấm đứng tại Công ty Cổ phần FECON Miltec với giá trị 11 tỷ đồng
- Lắp đặt nâng cấp dây chuyền sản xuất cọc bê tông ly tâm tại Công ty Cổ phần bê tông FECON với giá trị 19 tỷ đồng.
- Ngoài ra, trong năm 2012, Công ty đã dành 38 tỷ đồng đầu tư vào bất động sản tại sân Mípec Tây Sơn.

Tình hình thực hiện các dự án lớn:

Tính đến thời điểm cuối năm 2012, hầu hết các dự án đang thực hiện từ đầu năm và các dự án bắt đầu trong năm đã được hoàn thiện và bàn giao cho chủ đầu tư. Trong số đó có các dự án lớn như: dự án xử lý nền Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1, dự án xử lý nền Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, dự án xử lý nền khu vực kho than Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, dự án cung cấp và thi công cọc cho Nhà máy Kyocera. Riêng dự án cung cấp và thi công cọc cho công trình Nhà máy gang thép FORMOSA tại khu kinh tế Vũng Áng bắt đầu từ quý IV năm 2012 đã thực hiện được 30% khối lượng đơn đặt hàng, đảm bảo đúng tiến độ cam kết với chủ đầu tư.

b) Các công ty con, công ty liên kết

Năm 2012 là năm khó khăn chung của tình hình kinh tế. Tuy nhiên 5/6 đơn vị thành viên của FECON đã vượt qua khó khăn và kinh doanh có lãi.

Trong đó Công ty cổ phần FECON Miltec mới đi vào hoạt động từ cuối năm 2011 nhưng đã có lợi nhuận trong năm tài chính đầu tiên của mình. Điều này khẳng định hiệu quả, và định hướng đầu tư đúng đắn.

Viện nền móng và Công trình ngầm, một đơn vị hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học bắt đầu tách ra và hoạt động độc lập từ năm 2012 đã đem về mức lợi nhuận gần 2 tỷ đồng.

Vượt quá khó khăn cũng như sự cạnh tranh khốc liệt trong lĩnh vực cung cấp cọc bê tông, Công ty cổ phần Bê tông FECON đã thu được mức lãi sau thuế gần 18 tỷ đồng.

Đây là những cố gắng, và thành công mà hệ thống các công ty thành viên khối FECON đã làm được. Tin tưởng rằng, những cố gắng này sẽ tiếp tục đem lại những thành công mới trong năm tài chính 2013.

Thông tin về tình hình tài chính các đơn vị thành viên năm 2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công ty	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty Cổ phần Bê tông FECON	404.517	170.913	233.604	265.425	17.849
2	Công ty TNHH Đầu tư FECON	10.891	9.212	1.678	1.054	(398)
3	Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - Shanghai Harbour	180.820	70.983	109.836	132.296	813
4	Công ty Cổ phần FECON Miltec	32.436	20.803	11.633	19.398	300
5	Viện nền móng và công trình ngầm	31.070	27.633	3.436	28.605	1.633,4
6	Trường THPT Ý Yên	7.293	7.260	33	2.695	2,7

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	969.798.333.839	1.234.268.881.423	127%
Doanh thu thuần hợp nhất	913.908.275.200	1.007.993.881.757	110%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	117.528.431.982	127.819.579.991	108%
Lợi nhuận khác	32.496.180	58.683.547	180%
Lợi nhuận trước thuế	117.560.928.162	127.878.263.538	108%
Lợi nhuận sau thuế	96.310.126.572	100.103.105.220	103%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,31	1,23	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>	0,74	0,82	
Nợ ngắn hạn			
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,603	0,602	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,23	2,05	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	2,79	3,1	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,74	0,82	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,105	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,367	0,274	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,081	0,078	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,126	0,128	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: (Tính đến ngày 31/12/2012)

Tổng số cổ phần đang lưu hành	: 13.805.162 Cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	: 9.209.346 Cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 4.595.816 Cổ phần

Trong đó:

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng của cổ đông nội bộ	: 3.648.816 Cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng của CBNV mua ưu đãi	: 2.000 Cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng của cổ đông chiến lược	: 945.000 Cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày 31/12/2012)

		Cộng
Cổ đông sáng lập	3.918.289	
Cổ đông lớn nắm giữ >5% CP	4.108.430	
Cổ đông nắm giữ từ 1 đến dưới 5% CP	6.428.283	13.805.162

Cổ đông nắm giữ <1% CP		3.268.449	
Cổ đông tổ chức	Trong nước	1.665.165	(1)+(2)= 13.805.162
	Nước ngoài	1.823.860	
	Cộng (1)	3.489.025	
Cổ đông cá nhân	Trong nước	10.282.557	13.805.162
	Nước ngoài	33.580	
	Cộng (2)	10.316.137	
Cổ đông nhà nước		0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2012 Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON đã thực hiện 02 đợt tăng vốn cổ phần cụ thể:

Đợt 1:

Tăng vốn điều lệ từ **128.400.000.000 VNĐ** lên **138.051.620.000 VNĐ** thông qua việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược:

- Phương thức phát hành: phát hành ra công chúng,
- Giá phát hành:
 - + Cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên: 20.000 VNĐ/CP
 - + Cho cổ đông chiến lược: 21.000 VNĐ/CP
- Số lượng phát hành thành công: 965.162 cổ phần.
- Số lượng cổ phần sau phát hành: 13.805.162 cổ phần.
- Vốn điều lệ sau phát hành: 138.051.620.000 VNĐ
- Căn cứ pháp lý:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 127/GCN-UBCK ngày 20/12/2011 của UBCK Nhà nước.
 - + Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2011 số 110329/NQ-ĐHCĐ ngày 29/03/2011,
 - + Báo cáo phát hành ngày 02/03/2012 gửi UBCK Nhà nước.

Đợt 2:

Tăng vốn điều lệ từ **138.051.620.000 VNĐ** lên **165.663.280.000 VNĐ** thông qua việc phát hành cổ phần trả cổ tức, phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược. Ngày kết thúc đợt tăng vốn ngày 15/01/2013.

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011:

- Tỷ lệ thực hiện: 20%.
- Số lượng phát hành thành công: 2.761.004 cổ phần.

Chào bán ra công chúng:

- Giá phát hành:
 - + Cho cổ đông hiện hữu: 20.000 VNĐ/CP
 - + Cho cổ đông chiến lược: không thấp hơn 20.000 VNĐ/CP
- Số lượng phát hành thành công: 162 cổ phần.

Tổng số lượng cổ phần sau phát hành: 16.566.328 cổ phần.

- Vốn điều lệ sau phát hành: 165.663.280.000 VNĐ

- Căn cứ pháp lý:

+ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 48/GCN-UBCK ngày 25/10/2012 của UBCK Nhà nước.

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 số 120324/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2012,

+ Báo cáo kết quả phát hành chào bán cổ phiếu ngày 15/01/2013 gửi UBCK Nhà nước

Số lượng cổ phần tính đến ngày 15/01/2013

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **16.566.328** Cổ phần

Số cổ phần tự do chuyển nhượng : 13.779.917 Cổ phần

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 2.786.411 Cổ phần

Trong đó:

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng của cổ đông nội bộ : 1.839.411 Cổ phần

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng của CBNV mua ưu đãi : 2.000 Cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng của cổ đông chiến lược : 945.000 Cổ phần

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 15/01/2013

		Cộng	
Cổ đông sáng lập		4.648.049	
Cổ đông lớn nắm giữ >5% cổ phần		4.930.116	
Cổ đông nắm giữ từ 1 đến dưới 5% cổ phần		5.549.779	16.566.328
Cổ đông nắm giữ <1% Cổ phần		6.086.433	
Cổ đông tổ chức	Trong nước	1.998.197	
	Nước ngoài	2.188.632	
	Cộng (1)	4.186.829	
Cổ đông cá nhân	Trong nước	12.339.203	16.566.328
	Nước ngoài	40.296	
	Cộng (2)	12.379.499	
Cổ đông nhà nước		0	0

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

“Vượt bão thành công” - Đây là đánh giá chung về tình hình kinh doanh của Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON trong năm 2012. Với sự nỗ lực và đoàn kết của tập thể Cán bộ công nhân viên FECON, dưới sự chi đạo quyết đoán và khéo léo của Ban lãnh đạo, Công ty đã luôn bám sát và hoàn thành mục tiêu kinh doanh năm 2012. Ngày càng khẳng định được tên tuổi và uy tín FECON là một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam về nền móng và công trình ngầm.

Với sự tin tưởng của các đối tác về chất lượng dịch vụ, sức cạnh tranh về giá thành... đã giúp cho FECON vượt khó, tạo bước tiến ấn tượng. Với việc tham gia một loạt các dự án lớn như: “siêu dự án” Khu liên hiệp Gang thép Formosa Hà Tĩnh, dự án Nhiệt điện Long Phú 1, Nhiệt điện Duyên Hải 1, Nhiệt điện Thái Bình II, dự án “Tổ hợp sản xuất sản phẩm công nghệ cao Kyocera”, dự án “Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng”, dự án “Nhà ga hành khách T2 sân bay quốc tế Nội Bài”....góp phần đưa doanh thu thuần của FECON năm 2012 vượt mốc 1.000 tỷ. tăng hơn 10% so với doanh thu thuần của năm 2011 và tăng gần 5% so với chỉ tiêu kế hoạch.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012 (tỷ đồng)	% tăng giảm so với năm 2011	% Tăng giảm so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	1.007	10%	4,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	127	8,5%	1,6%
3	Lợi nhuận sau thuế	100	4,1%	6,3%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	9,9%	(0,6%)	(0,1%)

2. Tình hình tài chính.

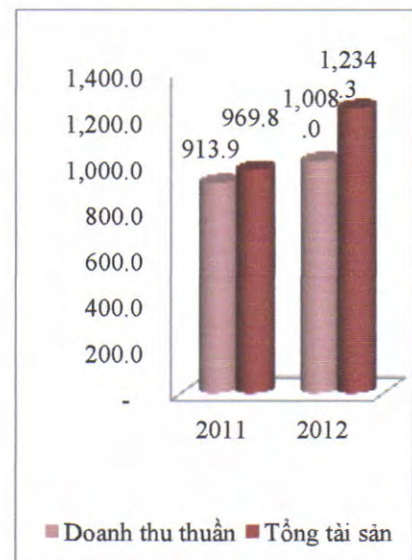
a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	2011	2012
1	Tổng tài sản (trong đó)	969.798.333.839	1.234.268.881.423
1.1	Tài sản ngắn hạn	569.293.735.538	717.872.974.814
1.2	Tài sản dài hạn	400.504.598.301	516.400.504.598
2	Doanh thu thuần	913.908.275.200	1.007.993.881.757
3	Lợi nhuận trước thuế	117.560.928.162	127.878.263.538
4	Lợi nhuận sau thuế	96.310.126.572	100.103.105.220

Tính đến cuối năm 2012, tổng tài sản tăng 265 tỷ đồng, tức tăng 27% so với đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 148,6 tỷ (tăng 26%), tài sản dài hạn tăng 115,8 tỷ (tăng 28,9%).

Với tài sản ngắn hạn, Phải thu khách hàng có điều chỉnh tăng mạnh nhất 181%: Cuối năm là 362,6 tỷ so với đầu năm là 128,9 tỷ đồng. Tập trung nhiều ở các khách hàng nước ngoài lớn như: Công ty TNHH xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour Việt Nam (156 tỷ); Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (31,7 tỷ)...Hàng tồn kho và các khoản mục khác năm 2012 không có nhiều sự thay đổi so với năm 2011.



Về tài sản dài hạn, Công ty tập trung đầu tư mới trang thiết bị TSCĐ phục vụ công tác thi công (Tổng đầu tư 151,1 tỷ).

Việc lựa chọn đối tác tin cậy đã giúp FECON giảm thiểu tối đa dư nợ xấu trong Tổng tài sản. Cụ thể, dư nợ cần trích lập dự phòng là 9,8 tỷ (0,8%/ Tổng tài sản); và FECON vẫn luôn tích cực để thu hồi những khoản nợ xấu này.

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2011	Năm 2012
Hiệu suất sử dụng tài sản	0,94	0,82
Giá trị tài sản thuần/1 cổ phiếu (vnd)	20.405	26.386

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	2010	2011	2012
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	137.454.096.091	434.496.455.045	579.276.474.029
1	Vay và nợ ngắn hạn	27.270.190.215	198.755.865.221	229.086.346.473
2	Phải trả người bán	78.065.858.564	260.922.618.707	187.554.375.400
B	Nợ dài hạn	94.334.397.843	150.002.334.679	168.832.190.990
1	Vay và nợ dài hạn	94.334.397.843	150.002.334.679	168.832.190.990
C	Tổng Nợ phải trả	231.788.493.934	584.498.789.724	748.108.665.019

Phân tích các chỉ tiêu liên quan đến tình hình nợ phải trả của FECON trong giai đoạn 2010-2012 như sau:

STT	Chỉ tiêu	2010	2011	2012
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,6	1,31	1,24
2	Khả năng thanh toán nhanh (TS NH-tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,18	0,74	0,82
3	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	45,41	60,27	60,61
4	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	24,96	36,80	27,50

Nợ phải trả của tăng bình quân là 90,1% trong đó tập trung chủ yếu là tăng trưởng nợ ngắn hạn (tăng trưởng bình quân 124,7%). Có sự gia tăng đột biến trên là do việc công ty tăng

cường sử dụng đòn bẩy tài chính khi khi Vốn chủ sở hữu còn thấp, đặc biệt là việc tăng trưởng giữa năm 2011-2010. Riêng mức tăng trưởng nợ ngắn hạn năm 2012 là 33%, đây là mức tăng an toàn nếu so sánh với mức tăng trưởng Tài sản ngắn hạn 2012 là 26%. Không những thế, nhìn vào chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu và Khả năng thanh toán ngắn hạn, có thể thấy được mức tăng trưởng chung là an toàn và đem lại hiệu quả tích cực.

Trong năm 2012, FECON không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn và luôn được các tổ chức tín dụng cũng như các Nhà cung cấp đánh giá là bạn hàng tin cậy, mức độ tín nhiệm cao. Đây chính là thành công lớn của FECON khi năm 2012 là năm tín dụng được thắt chặt, và nợ xấu của nền kinh tế là một con số khổng lồ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thường xuyên cập nhật những thay đổi của Pháp luật lao động, thiết lập các chính sách, quy trình, biểu mẫu, quản lý, tổ chức, thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định, Nội quy, quy chế của Công ty. Sửa đổi, ban hành Nội quy, chính sách, quy trình phù hợp với Pháp luật lao động và tình hình thực tiễn của Công ty, hướng dẫn thực hiện chính sách của Công ty năm 2012 đối với các bộ phận và đơn vị thành viên.

Áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý vào công tác quản trị, đánh giá nhân sự của Công ty. Năm 2012 công ty cũng đã hoàn thành cơ bản việc xây dựng hệ thống chi tiêu đánh giá nhằm bảo đảm đạt được mục tiêu công ty đề ra và sự khách quan trong đánh giá, phân loại nhân sự.

Năm 2012 công ty cũng đã hoàn thành việc xây dựng và quản lý theo hệ thống ISO: 9001-2008. Đồng thời thành lập Ban kiểm soát độc lập để kiểm soát các hoạt động nội bộ cũng như việc thực hiện các chính sách của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Huy động nguồn nhân lực hiệu quả để khẳng định vị trí số 1 trong thị trường cọc ly tâm tại Miền Bắc;

Huy động nguồn lực hiệu quả để khẳng định vị trí số 1 trong thị trường xử lý nền bằng có kết chân không trên toàn quốc;

Hoàn thiện đầu tư cơ sở vật chất cho mảng thí nghiệm, khảo sát và phát triển nhân lực mảng này để từng bước tiếp cận vị trí số 1 trên thị trường thí nghiệm khảo sát đất yếu;

Ưu tiên nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó ưu tiên số 1 là đội ngũ quản lý các cấp, đội ngũ quản lý tài chính, đội ngũ thiết kế và quản lý thi công chuyên nghiệp có khả năng phục vụ lâu dài;

Xây dựng và triển khai chiến lược thương hiệu, chiến lược marketing phù hợp với định hướng phát triển công ty;

Triển khai nghiên cứu tiếp cận về xây dựng công trình ngầm, không gian ngầm để phục vụ đầu tư phát triển trong những giai đoạn tiếp theo;

Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp luôn không ngừng học hỏi và đổi mới, luôn cư xử với thái độ biết ơn, xây dựng cung cách làm việc hết mình, làm việc teamwork, đoàn kết.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2012 là năm khó khăn, sự suy giảm của nền kinh tế ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của công ty, đặc biệt về sự luân chuyển của dòng vốn. Tuy nhiên với sự nỗ lực của

toàn thể cán bộ nhân viên công ty và chiến lược đúng đắn do Ban lãnh đạo đã lựa chọn. Công ty đã vượt qua khó khăn và đảm bảo được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Ban lãnh đạo công ty năm 2012 đã thường xuyên tổ chức Họp giao ban, họp đột xuất để kịp thời chỉ đạo công việc tại Công trường. Đa phần Ban lãnh đạo của FECON thường xuyên có mặt tại các công trường các Dự án khác nhau và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời. Điều này dẫn đến hiệu quả hoạt động của cả hệ thống là rõ rệt.

Đánh giá chung của năm 2012 của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: là hoạt động nhiệt huyết và quên mình.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2013.

Tiếp tục duy trì và ổn định dần mức độ tăng doanh thu và lợi nhuận của công ty. Tiếp tục đầu tư vào chất xám, công nghệ để làm chủ được những công nghệ mới, chủ động về nhân sự để từng bước tự thực hiện được các dự án xây dựng công trình ngầm.

Chủ động hơn nữa các nguồn tài chính, sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính trong việc thực hiện các dự án lớn.

Đầu tư thêm các thiết bị cần thiết để nâng cao hơn nữa năng lực thiết bị, năng lực thi công của Công ty khi tham gia đấu thầu và thực hiện các dự án lớn trong và ngoài nước.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Danh sách Hội đồng quản trị Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	
			Đại diện	Cá nhân
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	0	1.579.560
2	Hà Thế Lộng	Ủy viên HĐQT	0	248.559
3	Trần Trọng Thắng	Ủy viên HĐQT	0	335.878
4	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	0	368.336
5	Nguyễn Chí Công	Ủy viên HĐQT	0	246.369
6	Phạm Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT	0	232.543
7	Nguyễn Quang Hải	Ủy viên HĐQT	0	118.752

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, liên tục nắm bắt hoạt động kinh doanh của Công ty, kịp thời xử lý các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền. Tiếp nhận thường xuyên, đầy đủ và cụ thể báo cáo từ Tổng Giám đốc

Trong năm 2012: Hội đồng quản trị đã họp với sự tham gia đầy đủ và nhất trí 100% của các thành viên về các vấn đề cụ thể:

- Họp định kỳ: 05 lần để tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh cũng như đưa ra phương hướng điều chỉnh kịp thời về chiến lược kinh doanh để đảm bảo cung cấp tốt nhất sản phẩm cho khách hàng, nâng cao chất lượng thi công cũng như thương hiệu và mở rộng thị trường của Công ty.

- Họp bất thường: nhiều lần để đưa ra các quyết định về việc đầu tư mua sắm thiết bị theo đúng quy định của Điều lệ công ty để kịp thời bổ sung, nâng cao năng lực thiết bị, năng lực

dự thầu, năng lực thi công của Công ty. Các Quyết định về đầu tư vào Công ty con, về việc phát thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng...

c) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Ban trợ lý gồm 03 thành viên đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT, đóng vai trò giúp việc tích cực cho các thành viên HĐQT, đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp HĐQT được thực hiện đúng theo thể thức, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	
			Đại diện	Cá nhân
1	Phùng Tiến Trung	Trưởng Ban Kiểm soát	0	84.561
2	Hà Cửu Long	Thành viên BKS	0	336.650
3	Bùi Thanh Tùng	Thành viên BKS	0	67.635

Ban kiểm soát đã thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban thực hiện kiểm tra giám sát từng lĩnh vực hoạt động của công ty, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình. Duy trì chế độ họp thường kỳ để đánh giá tình hình hoạt động của công ty. Tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT, giám sát thường xuyên và chặt chẽ hoạt động của HĐQT.

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Các khoản chi trả lương, thưởng, thù lao cho HĐQT và Ban Giám đốc như sau:

Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	Chức vụ	Năm 2012
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	608.978.936
Hà Thế Phương	Phó chủ tịch HĐQT	346.153.846
Phạm Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT – Phó TGD	463.018.918
Trần Trọng Thắng	Ủy viên HĐQT – Phó TGD	441.282.938
Hà Thế Lộng	Ủy viên HĐQT	276.923.077
Nguyễn Chí Công	Ủy viên HĐQT	276.923.077
Nguyễn Quang Hải	Ủy viên HĐQT	276.923.077
Đỗ Trần Nam	Phó Tổng Giám đốc	302.598.293
Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám đốc	269.760.981
Cộng:		3.262.563.053

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán :



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04)6 251 0008 - Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11 - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tắt, quận 1, TP. HCM - Tel: (08)3 848 0763 - Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (0511)3 651 818 - Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn : Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số: 80.4 /BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012
của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Thăng Long - T.D.K
Tổng Giám đốc



Từ Quỳnh Hạnh
Chung chi KTV số: 0313/KTV

Kiểm toán viên

NGUYỄN TIÊN THÀNH
Chung chi KTV số: 1706/KTV

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán : Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON năm 2012 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán và báo cáo tài chính năm kiểm toán của công ty đã được đăng tải và công bố trên website: www.fecon.com.vn và trên website của Sở GD&ĐT TP Hồ Chí Minh: www.hsx.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Th.S. *Phạm Tiết Khoa*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		717.872.974.814	569.293.735.538
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		96.220.816.919	113.457.420.546
1	Tiền	111	V.01	68.520.816.919	76.611.693.430
2	Các khoản tương đương tiền	112	V.02	27.700.000.000	36.845.727.116
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		363.818.140.959	186.001.176.429
1	Phải thu khách hàng	131	V.03	362.623.392.259	128.909.796.939
2	Trả trước cho người bán	132	V.04	6.537.026.452	59.572.261.741
5	Các khoản phải thu khác	135	V.05	685.229.613	1.478.562.526
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(6.027.507.365)	(3.959.444.777)
IV	Hàng tồn kho	140		240.071.870.639	247.835.336.369
1	Hàng tồn kho	141	V.06	240.071.870.639	247.835.336.369
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		17.762.146.297	21.999.802.194
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	1.604.127.802	1.757.753.404
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.134.803.074	9.179.928.583
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.08	33.123.631	25.269.535
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	4.990.091.790	11.036.850.672
B	Tài sản dài hạn	200		516.395.906.609	400.504.598.301
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II	Tài sản cố định	220		484.010.423.919	380.172.799.351
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	344.613.536.757	307.939.395.712
	- Nguyên giá	222		496.857.576.146	410.917.099.178
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(152.244.039.389)	(102.977.703.466)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	65.480.863.435	35.594.078.902
	- Nguyên giá	225		74.475.362.822	38.672.081.375
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(8.994.499.387)	(3.078.002.473)
3	TSCĐ vô hình	227	V.12	34.889.988.713	35.952.799.057
	- Nguyên giá	228		38.103.323.201	38.035.993.801
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.213.334.488)	(2.083.194.744)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	39.026.035.014	686.525.680
III	Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.122.222.217	7.183.333.332
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	7.122.222.217	7.183.333.332
V	Tài sản dài hạn khác	260		24.888.260.473	13.148.465.618
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	18.601.471.333	11.687.556.717
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.926.921.888	18.634.013

3	Tài sản dài hạn khác	268	V.16	2.359.867.252	1.442.274.888
<i>VI</i>	<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>269</i>	<i>V.17</i>	<i>375.000.000</i>	<i>0</i>
	Tổng cộng tài sản	270		1.234.268.881.423	969.798.333.839

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		748.108.665.019	584.498.789.724
<i>I</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>579.276.474.029</i>	<i>434.496.455.045</i>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	229.086.346.473	198.755.865.221
2	Phải trả người bán	312	V.19	260.922.618.707	187.554.375.400
3	Người mua trả tiền trước	313	V.20	4.293.650.389	12.153.589.434
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	66.488.506.325	14.990.871.699
5	Phải trả người lao động	315		9.874.236.576	5.985.134.933
6	Chi phí phải trả	316	V.22	1.097.967.000	654.995.455
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	1.015.768.869	10.369.425.249
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		6.497.379.689	4.032.197.654
<i>II</i>	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>168.832.190.990</i>	<i>150.002.334.679</i>
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.24	168.832.190.990	150.002.334.679
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		364.266.292.458	262.005.530.977
<i>I</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.25</i>	<i>364.266.292.458</i>	<i>262.005.530.977</i>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		138.051.620.000	128.400.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		35.604.060.321	25.002.820.000
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	(2.731.148.536)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		18.876.706.667	8.996.449.719
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		9.438.353.334	4.498.224.860
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		162.295.552.136	97.839.184.934
<i>II</i>	<i>Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		121.893.923.946	123.294.013.138
	Tổng cộng nguồn vốn	440		1.234.268.881.423	969.798.333.839

Các chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán

TK	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
007	5. Ngoại tệ các loại (USD)	007		27.885,14	265.130,75

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

VŨ VIỆT THÀNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Tổng Giám đốc



PHẠM VIỆT KHOA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.26	1.007.994.977.757	914.579.807.070
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.27	1.096.000	671.531.870
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.28	1.007.993.881.757	913.908.275.200
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.29	745.681.973.689	693.223.243.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		262.311.908.068	220.685.031.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.30	5.293.785.000	4.961.268.120
7. Chi phí tài chính	22	VI.31	46.529.921.059	38.828.551.612
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>35.473.520.585</i>	<i>32.475.485.731</i>
8. Chi phí bán hàng	24		35.029.073.321	18.906.377.087
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		58.227.118.696	50.382.939.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.819.579.991	117.528.431.982
11. Thu nhập khác	31	VI.32	12.789.048.616	1.184.643.021
12. Chi phí khác	32	VI.33	12.730.365.069	1.152.146.841
13. Lợi nhuận khác	40		58.683.547	32.496.180
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		127.878.263.538	117.560.928.162
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	31.702.080.206	21.250.801.590
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.926.921.888	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		100.103.105.220	96.310.126.572
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	61		<i>5.572.839.723</i>	<i>9.634.831.732</i>
<i>Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ</i>	62		<i>94.530.265.498</i>	<i>86.675.294.840</i>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.35	5.756	7.474

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

VŨ VIỆT THÀNH

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

PHẠM VIỆT KHOA



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>1</i>	<i>127.878.263.538</i>	<i>117.560.928.162</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	56.312.972.581	50.219.805.725
- Các khoản dự phòng	3	2.068.062.588	3.959.444.777
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	6.449.755.961	2.940.420.604
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(6.990.588.810)	(4.571.911.156)
- Chi phí lãi vay	6	35.473.520.585	32.475.485.731
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>8</i>	<i>221.191.986.444</i>	<i>202.584.173.843</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(176.165.275.157)	(62.419.521.434)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.763.465.730	(189.971.273.237)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	72.208.544.713	138.043.593.525
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(6.760.289.014)	(455.837.836)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(35.473.520.585)	(32.475.485.731)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(999.227.628)	(20.117.186.570)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15	3.066.817.736	295.791.220
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(8.014.500.710)	(2.931.648.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	76.818.001.529	32.552.605.424
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(151.148.455.710)	(155.364.404.945)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	7.592.588.568	755.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	61.111.115	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.192.891.496	4.354.430.967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(138.301.864.531)	(150.254.973.978)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	28.069.762.321	300.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(2.291.080)	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	494.334.207.713	441.809.843.019
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(452.240.642.522)	(189.979.493.200)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(19.366.100.784)	(24.676.737.977)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.750.000.000)	(23.540.016.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	44.044.935.648	203.613.895.342
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(17.438.927.354)	85.911.526.788
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	113.457.420.546	27.510.339.409

Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
Tầng 15 tháp CEO, lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	202.323.727	35.554.349
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	96.220.816.919	113.457.420.546

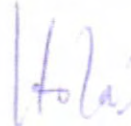
Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu



VŨ VIỆT THÀNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Tổng Giám đốc



PHẠM VIỆT KHOA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (sau đây được viết tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103004661 ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 05 năm 2012, mã số doanh nghiệp là 0101502599.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 15 tháp CEO, lô HH2 – 1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2012 : 138.051.620.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ, không trăm năm mươi một triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ :

Stt	Tên cổ đông	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Việt Khoa	15.795.600.000	11,44
2	Hà Thị Chín	407.630.000	0,30
3	Nguyễn Quang Hải	1.187.250.000	0,86
4	Hà Thị Bốn	613.020.000	0,48
5	Phạm Quốc Hùng	2.325.430.000	1,81
6	Bùi Thanh Tùng	676.350.000	0,53
7	Hà Thị Bích	1.674.080.000	1,21
8	Hà Cửu Long	3.366.500.000	2,62
9	Phùng Tiến Trung	845.610.000	0,66
10	Hà Thế Phương	3.683.360.000	2,87
11	Nguyễn Chí Công	2.463.690.000	1,92
12	Hà Thế Lộ	2.485.590.000	1,94
13	Trần Trọng Thắng	3.358.780.000	2,62
14	Nhân viên công ty và cổ đông khác	99.168.730.000	71,83
Tổng cộng		138.051.620.000	100

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Mua bán, khai thác và chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh khách sạn, văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Tư vấn, môi giới và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Dịch vụ kho vận;
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA)...;
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Vận tải hàng hoá và vận chuyển hành khách;
- ...

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Thay đổi trong chính sách kế toán, cam kết tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Ngày 06/01/2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (áp dụng từ năm tài chính 2011).

Theo yêu cầu tại Thông tư này, Ban Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá các ảnh hưởng của các quy định mới đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quyết định chưa áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 với các lý do sau đây :

- Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát sinh các công cụ tài chính phức tạp;
- Chưa có hướng dẫn chi tiết trong việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như việc ghi nhận trên báo cáo tài chính;
- Chưa có cơ sở để đánh giá và xác định mức độ rủi ro cụ thể đối với rủi ro thị trường của rủi ro tin dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh toán cũng như hướng dẫn phương thức ghi nhận trên báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con:**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Công ty con:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Công ty Cổ phần Bê tông FECON	Hà Nam	55,78	55,78	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
2	Công ty TNHH Đầu tư FECON	Hà Nam	100,00	100,00	Xây dựng công trình dân dụng, hoạt động của các cơ sở thể thao, CLB thể thao.
3	Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON - Shanghai Harbour	Hà Nội	26,27	51,00	Thi công, xử lý nền đất yếu
4	Công ty Cổ phần FECON Miltec	Long An	50,33	50,33	Sản xuất bắc thăm và vải địa kỹ thuật
5	Viện nền móng và công trình ngầm	Hà Nội	100,00	100,00	Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ nền móng công trình và công trình ngầm
6	Trường THPT Ý Yên	Nam Định	58,33	58,33	Giáo dục cấp THPT

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận ngay vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Trên 06 tháng đến dưới 01 năm	30%
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	50%
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	70%
Trên 03 năm	100%

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi dựa vào đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác (vận chuyển, lắp đặt, chạy thử...) có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo quy định hiện hành về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Máy móc thiết bị	04 - 08 năm
Dụng cụ, thiết bị quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	04 - 07 năm
Quyền sử dụng đất, nhà	25 - 48 năm
Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

7.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của công ty.

Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại thời điểm 31/12/2012, không có khoản đầu tư tài chính nào cần trích lập dự phòng

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả : Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Chi phí các công trình xây dựng

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn (hoặc thấp hơn) so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Phân phối lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt được trích lập các quỹ theo Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông, số còn lại có thể chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn thực góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định công bố của Hội đồng quản trị.

Quỹ đầu tư phát triển: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bổ sung vốn điều lệ cho công ty, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ sản xuất, trang bị làm việc.

Quỹ dự phòng tài chính: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bù đắp các tổn thất về tài sản do các nguyên nhân khách quan gây ra, bù các khoản lỗ do hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

13.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

13.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo biên bản quyết toán A – B, biên bản nghiệm thu giai đoạn, bảng xác định khối lượng hoàn thành.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp. Giá vốn của doanh thu xây dựng đối với các công trình vẫn còn đang tiếp tục thi công được xác định trên cơ sở ước tính căn cứ vào dự toán công trình.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí hoặc lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư vào công ty con.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)

Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 25%.

17. Bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1 Tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	27.155.223.263	11.914.056.193
Tiền gửi ngân hàng	41.365.593.656	64.697.637.237
Cộng	68.520.816.919	76.611.693.430
2 Các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng	27.700.000.000	36.845.727.116
- Tại NH TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	27.700.000.000	12.000.000.000
- Tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	0	24.845.727.116
Cộng	27.700.000.000	36.845.727.116
3 Phải thu khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour Việt Nam	156.093.455.037	0
CN TCT CP DV kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Ban DA nhiệt điện Long Phú	48.938.556.532	54.995.715.429
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh	31.767.419.200	0
Ban điều hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	26.938.965.209	0
Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc - Công ty đầu tư xây dựng và thương mại	11.953.319.000	0
JURONG ENGINEERING LTD	10.958.522.000	7.915.049.412
Công ty CP giấy An Hòa	7.354.440.550	6.985.042.075
BĐH DA xây dựng công trình kho chứa LPG lạnh	6.889.884.739	10.443.425.935
Liên danh CGCD&GIETC	6.742.306.214	0
Công ty TNHH Phát triển và xây dựng CHOSUK	5.429.851.500	0
Công ty CP đầu tư xây lắp dầu khí IMICO	4.755.254.214	4.755.254.214
Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Phú Sĩ	4.754.718.892	0
Công ty CP đầu tư Lạc Hồng	3.388.799.154	0
Công ty CP đầu tư và xây lắp dầu khí Kinh Bắc	2.271.195.754	2.271.195.754
Marubeni Corporation	2.268.054.021	0
Ban điều hành DA nhà máy sản xuất Ethanol	1.905.825.183	1.905.825.183
VP điều hành Dự án Khu Đô thị Our City của Cty TNHH Công trình xây dựng số 5 - Tập đoàn xây dựng Quảng Tây - Trung Quốc	1.608.048.644	0
Công ty CP TASCO	1.553.952.609	3.208.223.530
Công ty TNHH một thành viên 508	1.319.021.000	1.205.129.000
Công ty CP DASO (Hải Phòng)	1.193.912.225	0

Công ty CP đầu tư Minh Việt	1.132.001.000	0
Công ty XD Sumitomo Mitsui	972.400.000	0
Công ty TNHH một thành viên xây dựng và địa ốc Hòa Bình Hà Nội	899.542.320	0
Công ty CP đầu tư xây dựng VINACONEX - PVC	792.689.600	792.689.600
Công ty TNHH Ariston Thermo Industrial Việt Nam	788.527.740	0
Tổng Công ty CP Thương mại Xây Dựng	720.222.489	1.489.565.477
Xí nghiệp xây lắp - Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Bộ Quốc Phòng	710.077.500	0
Công ty CP xây dựng số 1 HN	682.801.650	682.801.650
Công ty CP sông Đà Hoàng Long	648.577.184	648.577.184
Công ty CP Lâm Sản Nghệ An	566.093.000	0
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	0	11.208.368.574
Công ty CP Trảng An	0	900.000.000
The Zenitaka Corporation - VPĐH dự án xây dựng nhà máy cơ khí RK	0	733.270.560
VPĐD Công ty XDCTĐL 1 Hồ Bắc tại Hải Phòng	0	720.495.000
Công ty Licogi 13 - Cơ giới hạ tầng	0	852.802.320
Phải thu các đối tượng khác	16.624.958.099	17.196.366.042
Cộng	362.623.392.259	128.909.796.939
4 Trả trước cho người bán		
	Cuối năm	Đầu năm
ASIA commerce limited (Japan)	3.492.918.000	0
Công ty TNHH MTV đầu tư và thương mại Hà Việt	0	41.884.528.946
Hunan Sunward Intelligent Machinery Co., Ltd	0	2.187.744.000
Công ty CP truyền thông OSCAR	132.000.000	132.000.000
Công ty TNHH đầu tư The Flame	131.699.763	0
Công ty cổ phần vật liệu dầu khí Việt Nam	87.384.913	87.384.913
Cty CP Licogi 16.5	0	300.000.000
Cty TNHH phát triển Hoàng Tùng	0	900.000.000
Các đối tượng khác	2.693.023.776	14.080.603.882
Cộng	6.537.026.452	59.572.261.741
5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	0	24.490.000
Cty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế CHALEASE	513.765.150	0
Công ty TNHH Hoàng Tùng	0	900.000.000
Phải thu khác	171.464.463	554.072.526
Cộng	685.229.613	1.478.562.526

Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECONTầng 15 tháp CEO, lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**6 Hàng tồn kho**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	45.511.970.456	29.677.319.000
- Công cụ, dụng cụ	2.803.197.039	2.238.840.479
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	167.104.830.584	196.123.566.280
- Thành phẩm	24.204.044.613	18.170.572.142
- Hàng hoá	447.827.947	1.625.038.468
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>240.071.870.639</u>	<u>247.835.336.369</u>

7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	1.251.643.132	420.437.442
Chi phí bảo hiểm	46.459.519	0
Chi phí quảng cáo	163.348.493	1.162.478.960
Sửa chữa văn phòng	4.899.035	52.265.164
Chi phí mua phần mềm	3.208.333	0
Thuê nhà kho	0	29.311.511
Chi phí sửa xe, máy móc	23.632.778	62.593.663
Phí đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	32.000.000	0
Chi phí đào tạo ISO	49.500.000	0
In số đa	0	30.666.664
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.436.512	0
	<u>1.604.127.802</u>	<u>1.757.753.404</u>

8 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế xuất nhập khẩu	0	25.269.535
Thuế TNCN	33.123.631	0
Cộng	<u>33.123.631</u>	<u>25.269.535</u>

9 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tạm ứng	4.932.691.790	10.615.172.338
- Nhận ký cược ngắn hạn	57.400.000	421.678.334
Cộng	<u>4.990.091.790</u>	<u>11.036.850.672</u>

10. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	81.007.015.406	263.173.304.127	61.717.278.237	2.145.901.655	2.873.599.753	410.917.099.178
- Mua trong kỳ		83.574.123.899	1.866.885.848	239.040.228	2.926.043.061	88.606.093.036
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	5.333.980.122	859.900.159	411.545.454	0	71.890.910	6.677.316.645
- Tàng khác	7.727.152.374	342.296.000	0	0	1.322.121.009	9.391.569.383
- Thanh lý, nhượng bán	0	(9.897.294.253)	(2.842.365.961)	(84.932.687)	0	(12.824.592.901)
- Giảm khác	0	(3.049.436.945)	(393.853.605)	(407.749.804)	(2.058.868.841)	(5.909.909.195)
Số dư cuối năm	94.068.147.902	335.002.892.987	60.759.489.973	1.892.259.392	5.134.785.892	496.857.576.146
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.763.565.362	81.055.479.802	11.184.140.591	885.034.891	1.089.482.820	102.977.703.466
- Khấu hao trong kỳ	7.223.690.423	45.129.772.236	8.183.386.753	387.370.481	736.485.106	61.660.704.999
- Tàng khác	2.703.946.972	351.299.643	554.742.359		143.544.817	3.753.533.791
- Thanh lý, nhượng bán		(9.383.433.917)	(834.489.799)	(91.470.251)		(10.309.393.967)
- Giảm khác		(4.659.186.569)	(421.709.064)	(58.106.583)	(699.506.684)	(5.838.508.900)
Số dư cuối năm	18.691.202.757	112.493.931.195	18.666.070.840	1.122.828.538	1.270.006.059	152.244.039.389
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
1. Tại ngày đầu năm	72.243.450.044	182.117.824.325	50.533.137.646	1.260.866.764	1.784.116.933	307.939.395.712
2. Tại ngày cuối năm	75.376.945.145	222.508.961.792	42.093.419.133	769.430.854	3.864.779.833	344.613.536.757

11. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

Chi tiêu	Máy móc, thiết bị	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	38.672.081.375	38.672.081.375
- Thuê tài chính trong năm	35.803.281.447	35.803.281.447
<i>Số dư cuối năm</i>	74.475.362.822	74.475.362.822
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	3.078.002.473	3.078.002.473
- Khấu hao trong năm	5.916.496.914	5.916.496.914
<i>Số dư cuối năm</i>	8.994.499.387	8.994.499.387
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	35.594.078.902	35.594.078.902
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	65.480.863.435	65.480.863.435

12. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình				
<i>Số dư đầu năm</i>	37.350.121.092	437.484.952	248.387.757	38.035.993.801
- Mua trong năm	67.329.400			67.329.400
- Tăng khác		12.000.000		12.000.000
- Giảm khác		(12.000.000)		(12.000.000)
<i>Số dư cuối năm</i>	37.417.450.492	437.484.952	248.387.757	38.103.323.201
II. Giá trị hao mòn lũy kế				0
<i>Số dư đầu năm</i>	1.879.019.489	104.224.743	99.950.512	2.083.194.744
- Khấu hao trong năm	852.220.763	163.440.469	46.677.552	1.062.338.784
- Tăng khác			87.752.041	87.752.041
- Giảm khác		(19.951.081)		(19.951.081)
<i>Số dư cuối năm</i>	2.731.240.252	247.714.131	234.380.105	3.213.334.488
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				0
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	35.471.101.603	333.260.209	148.437.245	35.952.799.057
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	34.686.210.240	189.770.821	14.007.652	34.889.988.713

13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Cuối năm	Đầu năm
Sửa chữa lò hơi dây chuyền 1	0	63.010.000
Hệ thống con lăn	0	161.700.000
Bích đốc khuôn D350	0	13.250.000
Dự án Dây chuyền sản xuất Bắc	0	42.884.000
Công trình Trung tâm thể thao FECON	0	228.156.852
Công trình TTTM Ngũ Động Sơn	233.298.944	177.524.828
Chi phí san lấp mặt bằng - Xây nhà học sinh	463.322.000	0
Chi phí gia công máy thi công cọc cát	169.919.152	0
Chi phí đầu tư sản Mipec Tây Sơn	38.144.838.862	0
Chi phí gia công thùng trộn dung dịch khoan bê tông	14.656.056	0
Cộng	39.026.035.014	686.525.680
14 Đầu tư dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Thi công cơ giới và lắp máy Dầu khí	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	122.222.217	183.333.332
Cộng	7.122.222.217	7.183.333.332
15 Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ, thiết bị, quảng cáo	6.249.474.772	3.870.974.597
Chi phí thành lập doanh nghiệp	0	5.474.757
Chi phí thuê đất cụm công nghiệp	2.336.697.043	2.360.145.618
Cung cấp, lắp đặt hạng mục vách kính, cửa kính cường lực	0	8.375.220
Tiền thuê VP diện tích 140m2	5.024.851.778	5.140.365.613
Chi phí tư vấn	1.842.322.500	0
Mua nội thất văn phòng	0	197.639.823
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	3.132.624.045	0
Chi phí khác	15.501.195	104.581.089
Cộng	18.601.471.333	11.687.556.717
<p>(*) Giá trị chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2011 được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính</p>		
16 Tài sản dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
<i>Ký quỹ ký cược dài hạn</i>	2.359.867.252	1.442.274.888
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.313.556.680	813.556.680
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	417.592.364	0
Công ty Cổ phần Long Hậu	628.718.208	628.718.208
Cộng	2.359.867.252	1.442.274.888

17 Lợi thế thương mại	Cuối năm	Đầu năm
Tại ngày 01/01	0	0
Tăng trong năm	375.000.000	0
Phân bổ trong năm	0	0
Tại ngày 31/12	375.000.000	0
Trong đó lợi thế thương mại phân bổ cho các công ty con		
Công ty Cổ phần Bê tông FECON	375.000.000	0
Cộng	375.000.000	0
18 Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn VND	210.289.208.981	123.585.294.783
NH TMCP Đầu tư và PT VN - CN Đông Đô	56.660.738.797	36.308.634.878
NH TMCP Ngoại thương VN - CN Hoàn Kiếm	59.054.236.519	18.760.584.344
NH TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	29.094.242.760	3.190.968.000
NH TMCP Đầu tư và PTVN - CN Hà Nam	10.249.645.457	6.311.724.685
Công ty Shanghai Harbour Bruinei	47.290.273.888	59.013.382.876
Vay cá nhân	7.940.071.560	0
Vay ngắn hạn USD	18.797.137.492	58.253.020.172
NH TMCP Ngoại thương VN - CN Hoàn Kiếm	18.797.137.492	52.547.977.703
NH TMCP Đầu tư và PTVN - CN Hà Nam	0	5.705.042.469
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	16.917.550.266
Cộng	229.086.346.473	198.755.865.221
19 Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
Cty CP Thương mại Thành Nam	5.490.356.325	1.827.639.000
Cty TNHH Trường Hải	6.376.207.400	314.938.800
Công ty TNHH xây dựng và môi trường Hoàng Long An	8.347.833.339	7.554.273.038
Chikami Miltec Inc	7.165.563.750	4.720.200.700
Chori Co, Ltd	2.330.585.195	0
Cty CP thiết bị và công nghệ xây dựng Thăng Long	5.090.000.000	0
Công ty cổ phần xây dựng Quốc Gia	3.341.982.600	3.949.821.232
Viện nền móng và công trình ngầm	2.789.471.662	0
Công ty TNHH xây dựng dịch vụ và thương mại Trường Phát	426.188.352	1.816.547.310
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Năng Lượng hàng hải EIC	0	2.504.013.477
Shanghai Harbour Soft Soil Treatment ...Co., Ltd	131.256.085.369	136.592.113.069
Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Băng Dương	0	5.876.991.340
RIZHAO HUAZHE Special steel Co.,Ltd	4.574.102.376	0
NANTONG Jiaotong Steel Rope CO.,LTD	3.446.221.541	0

Công ty CP Chương Dương	1.339.747.199	1.201.923.552
Công ty CP Thương mại hàng hóa quốc tế IPC	2.153.557.030	0
Cty CP Vận tải quốc tế KA	3.048.586.200	0
Hợp tác xã công nghiệp Toàn Diện	1.128.158.000	467.390.000
Công ty TNHH Thương mại vận tải Thanh Phong	1.704.990.100	0
Công ty TNHH Hạnh Yên	3.240.879.420	0
Công ty TNHH Phương Hoàng Anh	2.097.612.700	0
Công ty Thương mại dịch vụ Hồng Khanh	1.245.190.950	0
Công ty TNHH Thương mại Minh Hoàng	3.019.149.000	149.490.000
Công ty TNHH ĐT & PT Xây dựng Minh Huyền	3.169.884.850	299.247.300
PingXiang City Holly Import & Export Trade Co	25.991.690	2.094.351.451
Geoharbour Limited	33.298.929.000	0
Shanghai Harbour Soft Soil Engineering Develop	7.639.226.400	2.788.946.596
Các đối tượng khác	17.176.118.259	15.396.488.535
Cộng	260.922.618.707	187.554.375.400
20 Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
Marubeni Corporation	1.472.113.043	0
LD Taisei - Vinaconex	790.180.000	0
Công ty TNHH Mai Trang	396.980.320	452.694.720
Công ty Cổ phần thương mại Ngôi Nhà Mới	349.175.930	0
Công ty CP CIRI Xuân Đình	181.874.000	181.874.000
Tổng Công ty XD Công Trình Giao Thông 8 bộ GTVT	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH Bảo Long	114.756.000	114.756.000
Công ty CP đầu tư xuất nhập khẩu Mỹ Nghệ	100.000.000	100.000.000
Công ty CP đầu tư Lạc Hồng	0	1.242.221.574
VP điều hành Dự án Khu Đô thị Our City	0	1.224.488.100
BQL dự án đầu tư XD trụ sở Bộ Ngoại giao	0	2.854.134.000
Công ty CP Đầu tư và xây lắp 5	0	1.041.931.000
Công ty CP Hồng Hà Dầu Khí	0	583.413.600
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định xây dựng	0	574.896.400
Công ty CP đầu tư Minh Việt	0	455.444.455
Các đối tượng khác	748.571.096	3.187.735.585
Cộng	4.293.650.389	12.153.589.434
21 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
21.1. Thuế phải nộp nhà nước	63.721.538.525	14.990.871.699
- Thuế giá trị gia tăng	12.915.230.443	2.243.533.802
- Thuế xuất, nhập khẩu	160.214.844	420.834.291
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.187.529.938	12.300.820.598
- Thuế thu nhập cá nhân	2.458.500.900	25.683.008

	- Thuế tài nguyên	62.400	0
21.2. Các khoản phải nộp khác		2.766.967.800	0
	- Các khoản phí, lệ phí	2.766.967.800	0
	Cộng	66.488.506.325	14.990.871.699
22 Chi phí phải trả		Cuối năm	Đầu năm
	Chi phí trích trước các công trình	1.097.967.000	654.995.455
	Cộng	1.097.967.000	654.995.455
23 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		Cuối năm	Đầu năm
	Kinh phí công đoàn	4.427.150	2.544.800
	Bảo hiểm xã hội	100.514.342	1.563.419
	Bảo hiểm y tế	21.753.486	5.392.671
	Bảo hiểm thất nghiệp	2.834.760	
	Phải trả, phải nộp khác	886.239.131	10.359.924.359
	- Công ty TNHH Công trình xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour	0	1.982.829.717
	- Thủ lao HĐQT và Ban Kiểm soát	0	974.342.915
	- Phải trả khác	886.239.131	7.402.751.727
	Cộng	1.015.768.869	10.369.425.249
24 Vay và nợ dài hạn		Cuối năm	Đầu năm
	Vay dài hạn VND	60.815.381.640	60.039.548.263
	- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiểm	48.869.301.506	52.484.506.252
	- NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	4.633.486.000	0
	- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hà Nam	7.312.594.134	7.555.042.011
	Vay dài hạn USD	73.745.246.287	72.100.735.610
	- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiểm	64.762.921.039	63.106.318.771
	- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hà Nam	8.982.325.248	8.994.416.839
	Nợ dài hạn	34.271.563.063	17.862.050.806
	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	25.741.248.752	14.032.529.512
	Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	8.530.314.311	3.829.521.294
	Cộng	168.832.190.990	150.002.334.679

25. Vốn chủ sở hữu

25.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	107.000.000.000	25.002.820.000	(1.161.596.518)	3.835.946.064	1.917.973.032	70.196.966.577	206.792.109.155
- Tăng vốn trong năm trước	21.400.000.000	0	0	5.160.503.655	2.580.251.828	0	29.140.755.483
- Lãi tăng trong năm trước	0	0	0	0	0	86.675.294.841	86.675.294.841
- Tăng khác	0	0	1.161.596.518	0	0	203.862.083	1.365.458.601
- Giảm khác	0	0	(2.731.148.536)	0	0	(59.236.938.567)	(61.968.087.103)
Số dư cuối năm trước	128.400.000.000	25.002.820.000	(2.731.148.536)	8.996.449.719	4.498.224.860	97.839.184.934	262.005.530.977
Số dư đầu năm nay	128.400.000.000	25.002.820.000	(2.731.148.536)	8.996.449.719	4.498.224.860	97.839.184.934	262.005.530.977
- Tăng vốn năm nay	9.651.620.000	10.601.240.321	0	9.880.256.948	4.940.128.474	0	35.073.245.743
- Lãi tăng trong kỳ	0	0	0	0	0	94.530.265.498	94.530.265.498
- Tăng khác	0	0	10.627.983.126	0	0	1.959.203.626	12.587.186.752
- Giảm khác	0	0	(7.896.834.590)	0	0	(32.033.101.922)	(39.929.936.512)
Số dư cuối năm nay	138.051.620.000	35.604.060.321	0	18.876.706.667	9.438.353.334	162.295.552.136	364.266.292.458

25.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cuối năm	Đầu năm
	Vốn góp của chủ sở hữu	138.051.620.000	128.400.000.000
	Vốn góp của các cổ đông	138.051.620.000	128.400.000.000
	Cộng	138.051.620.000	128.400.000.000
25.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm nay	Năm trước
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.051.620.000	128.400.000.000
	+ Vốn góp đầu năm	128.400.000.000	107.000.000.000
	+ Vốn góp tăng trong năm	9.651.620.000	21.400.000.000
	+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
	+ Vốn góp cuối năm	138.051.620.000	128.400.000.000
	Cổ tức và lợi nhuận đã chia	138.051.620.000	128.400.000.000
	Cộng	138.051.620.000	128.400.000.000
25.4. Cổ tức		Năm nay	
	Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
	+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Tạm ứng cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt : 10%/cổ phiếu	
25.5. Cổ phiếu		Cuối năm	Đầu năm
	- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.805.162	12.840.000
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.805.162	12.840.000
	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.805.162	12.840.000
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.805.162	12.840.000
	<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		
25.6. Các quỹ của doanh nghiệp		Cuối năm	Đầu năm
	- Quỹ đầu tư phát triển	18.876.706.667	8.996.449.719
	- Quỹ dự phòng tài chính	9.438.353.334	4.498.224.860

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

26 Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	22.023.067.374	23.818.535.777
Doanh thu bán thành phẩm	15.422.922.310	15.969.474.780
Doanh thu bán vật tư	0	46.621.818
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.116.340.438	3.169.855.236
Doanh thu hoạt động đào tạo	2.696.673.500	
Doanh thu hoạt động xây lắp	962.735.974.135	871.575.319.459
Cộng	1.007.994.977.757	914.579.807.070
27 Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Các khoản giảm trừ khi có quyết toán	0	671.531.870
Giảm trừ học phí của học sinh	1.096.000	0
Cộng	1.096.000	671.531.870
28 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	22.023.067.374	23.818.535.777
Doanh thu bán thành phẩm	15.422.922.310	15.297.942.910
Doanh thu bán vật tư	0	46.621.818
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.116.340.438	3.169.855.236
Doanh thu hoạt động giáo dục	2.695.577.500	0
Doanh thu hoạt động xây lắp	962.735.974.135	871.575.319.459
Cộng	1.007.993.881.757	913.908.275.200
29 Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	22.023.067.374	23.818.535.777
Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.817.834.546	12.989.172.066
Giá vốn của vật tư đã bán	0	45.392.297
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.607.534.659	1.713.081.595
Giá vốn hoạt động đào tạo	2.292.060.227	0
Giá vốn của hoạt động xây lắp	705.941.476.883	654.657.061.860
Cộng	745.681.973.689	693.223.243.595
30 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.192.891.496	4.354.430.967
Chiết khấu thanh toán được hưởng	664.200	0

	Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	566.573.168
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	94.025.572	40.263.985
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.203.732	0
	Cộng	5.293.785.000	4.961.268.120
31	Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	Lãi tiền vay	35.473.552.414	32.475.485.731
	Lãi thuê tài chính	3.334.242.588	
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.524.772.791	3.405.019.416
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.197.353.266	2.940.420.604
	Chi phí tài chính khác	0	7.625.861
	Cộng	46.529.921.059	38.828.551.612
32	Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	Thu từ thanh lý TSCĐ	12.614.789.128	755.000.000
	Thu nhập từ bán phế liệu	63.353.378	
	Thu chuyển nhượng cổ phần	49.761.620	113.242.290
	Xử lý công nợ	1.245	5.640.501
	Thu nhập khác	61.143.245	310.760.230
	Cộng	12.789.048.616	1.184.643.021
33	Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	Chi phí điều chỉnh thanh tra quyết toán thuế, phạt	0	52.798.038
	Xử lý công nợ	562	6.738.617
	Chi phí nộp phạt thuế, tài trợ	169.559.746	507.041.021
	Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	12.314.094.289	537.519.811
	Chi phí bán phế liệu	171.210.202	
	Chi phí khác	75.500.270	48.049.354
	Cộng	12.730.365.069	1.152.146.841
34	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
	Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.702.080.206	21.250.801.590
	Cộng	31.702.080.206	21.250.801.590

35 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	94.530.265.498	86.675.294.840
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	94.530.265.498	86.675.294.840
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.423.537	11.597.041
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.756	7.474

36 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	547.883.889.118	194.185.166.114
Chi phí nhân công	79.456.282.481	64.609.154.090
Chi phí khấu hao	60.149.041.975	32.513.941.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.575.526.566	808.064.861.439
Chi phí bằng tiền khác	62.324.406.702	26.635.302.017
Cộng	1.070.389.146.842	1.126.008.424.945

37. Báo cáo bộ phận :
Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty trình bày thông tin, số liệu cho từng bộ phận như sau :

A. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Hà Nội	Hà Nam	Nam Định	Long An	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần	1.127.964.222.973	265.425.142.871	2.695.577.500	19.398.693.000	1.415.483.636.344
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	986.554.807.840	18.743.496.418	2.695.577.500	0	1.007.993.881.758
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	141.409.415.133	246.681.646.453	0	19.398.693.000	407.489.754.586
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ	30.855.163.697	35.036.174.223	864.395.214	1.230.792.630	67.986.525.764
- Chi phí khấu hao TSCĐ	25.309.164.256	29.666.673.152	370.687.255	966.447.918	56.312.972.581
- Chi phí phân bổ	5.545.999.441	5.369.501.071	493.707.959	264.344.712	11.673.553.183
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	125.608.966.240	23.663.496.926	2.715.275	464.225.629	149.739.404.070
Tổng giá trị tài sản	1.149.340.184.463	404.517.899.350	7.293.485.533	32.436.370.099	1.234.268.881.423
- Giá trị còn lại của tài sản cố định và phân bổ	262.449.559.047	219.557.127.416	6.861.751.464	15.347.585.127	504.216.023.054
- Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	527.571.567.394	184.960.771.934	431.734.069	17.088.784.972	730.052.858.369
Nợ phải trả	503.212.010.569	233.387.134.296	33.278.781	11.476.241.372	748.108.665.018

B. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu bán thành phẩm (cọc, bậc thềm)	Doanh thu hoạt động xây dựng	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động giáo dục	Tổng Cộng
Tổng doanh thu thuần	64.533.305.179	281.485.079.945	1.060.514.310.506	6.255.363.214	2.695.577.500	1.415.483.636.344
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	22.023.067.374	15.422.922.310	962.735.974.135	5.116.340.438	2.695.577.500	1.007.993.881.757
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	42.510.237.805	266.062.157.635	97.778.336.371	1.139.022.776	0	407.489.754.587

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
<u>1.1. Đầu tư vốn</u>		62.434.854.000	16.097.602.208
Công ty Cổ phần Bê tông FECON	Công ty con	16.365.000.000	0
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	7.338.738.000	3.128.718.208
Công ty TNHH Đầu tư FECON	Công ty con	1.031.116.000	8.968.884.000
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	25.700.000.000	0
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON -Shanghai Harbour	Công ty con	10.000.000.000	4.000.000.000
Trường THPT Ý Yên	Công ty con	2.000.000.000	0
<u>1.2. Bán hàng hóa, máy móc</u>		41.400.104.899	16.757.874.884
Công ty Cổ phần Bê tông FECON	Công ty con	24.409.775.813	16.757.874.884
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	142.642.525	0
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	16.847.686.561	0
<u>1.3. Cung cấp dịch vụ</u>		1.859.980.025	701.031.067
Công ty Cổ phần Bê tông FECON	Công ty con	70.501.317	544.256.848
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	1.651.939.672	0
Công ty TNHH Đầu tư FECON	Công ty con	137.539.036	65.004.219
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON -Shanghai Harbour	Công ty con	0	91.770.000
<u>1.4. Thu nhập từ tài trợ</u>		0	104.150.000
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON -Shanghai Harbour	Công ty con	0	104.150.000
<u>1.5. Nhận cổ tức</u>		8.250.000.000	0
Công ty Cổ phần Bê tông FECON	Công ty con	8.250.000.000	0
<u>1.6. Mua hàng</u>		265.496.927.635	213.862.479.669
Công ty Cổ phần Bê tông FECON	Công ty con	246.098.234.635	213.862.479.669
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	19.398.693.000	0
<u>1.7. Thuê thầu phụ các công trình</u>		97.562.336.371	36.889.925.000
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	14.048.106.826	0
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON -Shanghai Harbour	Công ty con	83.514.229.545	36.889.925.000

Số dư các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
<u>2.1. Phải thu</u>		157.506.788.760	6.071.504.642
Công ty Cổ phần Bê tông FECON	Công ty con	1.142.107.852	6.000.000.000
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	156.906.778	0
Công ty TNHH Đầu tư FECON	Công ty con	114.319.093	71.504.642
<u>2.2. Phải trả</u>		178.513.131.789	52.283.858.839
Công ty Cổ phần Bê tông FECON	Công ty con	98.342.216.959	31.497.477.407
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	6.411.507.300	0
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	2.789.471.662	0
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu FECON -Shanghai Harbour	Công ty con	70.969.935.868	20.786.381.432

Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECONTầng 15 tháp CEO, lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Đình Hạ,
đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Trong năm 2012, các khoản chi trả lương cho HĐQT và Ban Giám đốc như sau :

Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	Chức vụ	Năm 2012
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	608.978.936
Hà Thế Phương	Phó chủ tịch HĐQT	346.153.846
Phạm Quốc Hùng	Ủy viên kiêm Phó TGĐ	463.018.918
Trần Trọng Thắng	Ủy viên kiêm Phó TGĐ	441.282.938
Hà Thế Lộng	Ủy viên	276.923.077
Nguyễn Chí Công	Ủy viên (Từ nhiệm ngày 07/01/2013)	276.923.077
Nguyễn Quang Hải	Ủy viên	276.923.077
Đỗ Trần Nam	Phó Tổng Giám đốc	302.598.293
Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám đốc	269.760.891
Cộng		3.262.563.053

Trong năm 2011, tiền lương và các khoản phụ cấp chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành là 1.302.912.083 đồng.

2. Thông tin so sánh

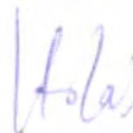
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam – CPA Việt Nam.

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



VŨ VIỆT THÀNH

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

PHẠM VIỆT KHOA